

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST  
Ngày 23-4-2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Hương và bà Phan Thị Máy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 29/02/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 28/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ ngày 10/4/2024, đối với các bị cáo:

1. **Bùi Văn G**; Sinh năm 1988; N sinh: Huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: **Bản C, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038088014137; Con ông: **Bùi Văn H** (đã chết), con bà: **Bùi Thị T**, sinh năm 1958; Vợ: **Hà Thị N1**, sinh năm 1988, bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án: Không; Tiền sự: 01, ngày 17/3/2021, **Bùi Văn G** bị Cơ quan CSĐT **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 01/XPHC với số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng) về hành vi “Có lời

nói thô bạo xúc phạm danh dự của người khác và sử dụng trái phép súng sãn”. Hiện tại bị cáo chưa nộp phạt theo quy định.

Nhân thân: Ngày 08/11/2008, **Bùi Văn G** bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã xóa án tích; Ngày 17/10/2023, **Bùi Văn G** bị Cơ quan CSĐT **Công an huyện M** ra Quyết định khởi tố bị can về tội: “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” theo điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật hình sự. Hiện vụ án đang điều tra, tuy tố theo quy định.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2023 chuyển tạm giam ngày 26/11/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện M**, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

**2. Sùng A S**; Sinh năm 1998. Nơi sinh và nơi cư trú: **Bản Trung T1, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038098013283; Con ông: **Sùng A X** (đã chết), con bà: **Vàng Thị T2**, sinh năm 1964; Vợ: **Phàng Thị D**, sinh năm 1999; bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/11/2023 đến ngày 25/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Giàng A N2**; Sinh năm 1998. Nơi sinh và nơi cư trú: **Bản Trung T1, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038098016062; Con ông: **Giàng A C**, sinh năm 1967, con bà: **Thào Thị D1**, sinh năm 1970; Vợ: **Sùng Thị M**, sinh năm 1999, bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/11/2023 đến ngày 25/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**4. Sùng A G1**; Sinh năm 1992. Nơi sinh và nơi cư trú: **Bản Trung T1, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038092029490; Con ông: **Sùng A D2** (đã chết), con bà: **Giàng Thị S1**, sinh năm



1972; Vợ: **Phàng Thị X1**, sinh năm 2000, bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/11/2023 đến ngày 25/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**5. Đỗ Đình Q**; Sinh năm 1979. Nơi sinh: **Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038077903832; Con ông: **Đỗ Đình T3**, sinh năm 1950, con bà: **Đỗ Thị H1**, sinh năm 1956; Vợ: **Lê Thị H2**, sinh năm 1980, bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 17/11/2023 đến ngày 25/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**6. Vàng A L**; Sinh năm 1982. Nơi sinh: **Huyện B, tỉnh Lào Cai**; Nơi cư trú: **Bản X, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 010082000095; Con ông: **Vàng Seo C1** (đã chết), con bà: **Sùng Thị D3** (đã chết); Vợ: **Giàng Thị S2**, sinh năm 1982, bị cáo có 01 con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/11/2023 đến ngày 25/11/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**7. Giàng A K**; Sinh năm 1999. Nơi sinh và nơi cư trú: **Bản Trung T1, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 038099008100; Con ông: **Giàng A S3**, sinh năm 1974, con bà: **Vàng Thị C2**, sinh năm 1977; Vợ: **Sùng Thị V**, sinh năm 2002, bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 26/01/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lê Thị H2**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Bản S, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

\* *Người làm chứng:* Anh **Sùng A C3**, sinh năm: 2004. Địa chỉ: **Bản T, xã M, huyện M, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

\* *Người bào chữa cho các bị cáo* **Sùng A S, Giàng A N2, Sùng A G1, Vàng A L, Giàng A K**: Ông **Hà Văn K1** - Trợ giúp viên pháp lý, **chi nhánh S4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T**. Vắng mặt có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 17/11/2023, **Vàng A L**, sinh năm 1982, trú tại **bản X, xã M, huyện M** đi xe máy từ nhà ở **bản X, xã M, huyện M** đến **bản T, xã M, huyện M** để đi bốc vắc sẩn thuê. Khi đi đến khu vực lán chòi của anh **Giàng A K2**, (ngay gần đường đi vào **bản S, xã M**) thì nhìn thấy bên trong lán chòi đang tập trung đông người ngồi nói chuyện nên đã vào chơi. Sau đó, có **Sùng A G1** và **Sùng A S** cùng trú tại: **Bản T, xã M, huyện M** (đi bốc vắc sẩn thuê) cũng đến lán chòi chơi. Sau đó, cả ba đối tượng nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ 52 có sẵn trong chòi rẫy, nên cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “liêng” để ăn tiền.

Cách thức chơi do các đối tượng tự đặt ra và quy ước với nhau gọi là đánh “Liêng” như sau: Sử dụng một bộ bài tú lơ khơ gồm 52 (Năm mươi hai) lá từ quân A (Át) đến quân K để làm công cụ phục vụ cho việc đánh bạc ăn tiền. Trước khi chia bài mỗi người sẽ đóng “gà” 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) vào giữa chiếu bạc (Không tố thêm tiền) mỗi người sẽ được chia 03 (Ba) quân bài mỗi ván, sau khi những người chơi xem bài thì căn cứ vào số điểm tổng ba quân bài cộng lại ai có số điểm lớn hơn sẽ là người thắng ván bài đấy và được lấy tổng số tiền góp “gà”. Thứ tự từ cao xuống thấp quy định như sau:

“Sáp” là ba lá bài giống nhau (Cao nhất là ba quân Át). Khi bộ bài không phải là “Sáp” thì tính điểm. Điểm được tính là số dư của tổng số của ba lá bài trừ đi 10 hoặc 20 (Cao nhất là 09 điểm) khi tính điểm quân bài hình người được tính là 0 điểm. Nếu người chơi có bộ bài bằng điểm nhau thì sẽ so sánh chất theo thứ tự từ



cao xuống thấp theo thứ tự: Rô, cơ, tép, bích. Người nào thắng ở ván bài trước sẽ là người chia bài ở ván tiếp theo.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, thì có **Giàng A N2**, sinh năm 1998 trú tại: **Bản T, xã M** đến và tham gia đánh bạc cùng với **Vàng A L, Sùng A G1** và **Sùng A S**. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày thì có **Giàng A K**, sinh năm 1999, trú tại: **Bản T, xã M** đến lán chòi chơi, nhưng **K** chỉ ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Sau đó, **Bùi Văn G** và **Đỗ Đình Q** (trên đường đi làm về) cũng đến lán chòi và tham gia đánh bạc ăn tiền cùng với các đối tượng trên. Qua trình đánh bạc **Bùi Văn G** và các đối tượng đã thống nhất với nhau trả công cho công **Giàng A K** để **Giàng A K** ngồi dưới đường canh gác cho các đối tượng đánh bạc, khi phát hiện lực lượng chức năng thì **Giàng A K** sẽ có trách nhiệm thông báo để các đối tượng bỏ chạy. **Bùi Văn G** đã lấy từ phần tiền góp “gà” ra 02 lần, mỗi lần 50.000đ để đưa cho **Giàng A K, K** nhận tiền và đi xuống đường canh gác.

Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc như sau: **Bùi Văn G** 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng); **Sùng A S** 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng); **Sùng A G1** 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng); **Giàng A N2** 1.000.000đ (Một triệu đồng); **Đỗ Đình Q** 1.000.000đ (Một triệu đồng) và **Vàng A L** 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng); **Giàng A K** làm nhiệm vụ canh gác và được hưởng lợi 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Khi các đối tượng đang đánh bạc thì có **Sùng A C3**, sinh năm 2004, trú tại: **Bản T, xã M** đến, không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi chơi điện thoại.

Vào hồi 21 giờ 30 phút, ngày 17/11/2023, khi lực lượng **Công an huyện M** đi thực hiện nhiệm vụ rà soát phòng chống tội phạm, tại khu vực **bản T, xã M, huyện M** thì phát hiện tại lán chòi rẫy nhà anh **Giàng A K2** ở gần đường lớn tại **bản T, xã M, huyện M** đang tụ tập đông người, đến kiểm tra thì phát hiện bắt quả tang **Bùi Văn G, Sùng A S, Giàng A N2** cùng trú tại **xã M, huyện M** và **Đỗ Đình Q**, trú tại bản Suối Lóng, **xã T, huyện M** đang có hành vi “Đánh bạc” ăn tiền bằng hình thức đánh “liêng” và một người tên **Sùng A C3** đang ngồi sử dụng điện thoại. Ngoài ra, còn có 03 (ba) đối tượng đã bỏ chạy gồm: **Vàng A L**, sinh năm 1982; cư trú tại **bản X, xã M, huyện M** và **Sùng A G1**, sinh năm 1992, **Giàng A K**, sinh năm 1999, đều trú tại: **Bản T, xã M, huyện M**.

Quá trình bắt quả tang các bị cáo, Tổ công tác đã tiến thu giữ trên chiếc bạc với tổng số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn); 52 lá bài bài tú lơ khơ, 01 (một) chiếc nhựa màu vàng nâu (đã qua sử dụng) và 05 (năm) xe máy của các bị cáo. Tổ công tác đã tuyên bố bắt người phạm tội quả tang, lập biên bản niêm phong vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở để điều tra, làm rõ.

Ngày 20/11/2023, Vàng A L và Sùng A G1 đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện M để đầu thú và khai báo hành vi phạm tội; Đến ngày 03/01/2024, Giàng A K đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M đầu thú về hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định số: 4343/KL-KTHS ngày 01/12/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh T kết luận: Toàn bộ số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn) gửi giám định là đều là tiền thật.

Đối với vật chứng, tài sản thu giữ trong quá trình điều tra vụ án, gồm:

- Số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn);
- 52 (Năm hai) quân bài là bài tú lơ;
- 01 (Một) chiếc nhựa màu vàng nâu, đã qua sử dụng.
- 01 (Một) xe máy biển kiểm soát: 36B8-706.21 Nhãn hiệu: HONDA, Loại: WAVE ALPHA (xe máy của Giàng A N2); 01 (Một) xe biển kiểm soát: 36K1-038.57, Nhãn hiệu: HONDA (xe của Giàng A K); 01 (Một) xe biển kiểm soát: 36B1-262.58, Nhãn hiệu: WAVE RSX (xe của Vàng A L) và 01 (Một) xe máy không có biển kiểm soát, Nhãn hiệu: HONDA, Loại xe: Hai bánh, Loại: WINNER X (xe của Sùng A S).

Hiện vật chứng, tài sản trên đang được bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mường Lát.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 36AA - 904.11, nhãn hiệu Honda, màu xanh bạc, số khung RLHJA3926PY550001, số máy: JA39E3192796 thu giữ trong quá trình bắt quả tang Đỗ Đình Q. Đây là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị H2 (vợ bị cáo Đỗ Đình Q), Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Quá trình điều tra các bị cáo Bùi Văn G, Sùng A S, Giàng A N2, Sùng A G1, Đỗ Đình Q, Vàng A L và Giàng A K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.



Bản cáo trạng số: 18/CT-VKS-ML, ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố các bị cáo **Bùi Văn G**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Đỗ Đình Q**, **Vàng A L** và **Giàng A K** về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác. Các bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, không khai báo thêm tình tiết mới.

Tại tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được đầy đủ tài sản, nên không có đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên, các bị cáo **Bùi Văn G**, **Đỗ Đình Q**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L** và **Giàng A K** phạm tội “Đánh bạc”.

Về áp dụng điều luật:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với **Bùi Văn G**.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K** và **Đỗ Đình Q**.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với **Sùng A S**, **Giàng A N2**.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Bùi Văn G** từ **06 - 07** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Xử phạt bị cáo **Sùng A S** từ **07 - 09** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo **Giàng A N2** từ **07 - 09** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo **Sùng A G1** từ **07 - 09** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Đình Q** từ **07 - 09** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo **Vàng A L** từ **07 - 09** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Xử phạt bị cáo **Giàng A K** từ **06 – 07** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không có tính khả thi.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy, gồm: 52 quân bài là bài tú lơ khơ và 01 chiếc nhựa màu vàng nâu, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn).

- Truy thu đối với bị cáo **Giàng A K** số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo, gồm:

+ Giàng A Náy 01 (một) xe máy biển kiểm soát: 36B8-706.21;

+ Giàng A Kỳ 01 (một) xe biển kiểm soát: 36K1-038.57;

+ Vàng A Lệnh 01 (một) xe biển kiểm soát: 36B1-262.58;

+ Sùng A Sênh 01 (một) xe máy không có biển kiểm soát, Nhãn hiệu: HONDA, Loại xe: Hai bánh, Loại: WINNER X.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo **Đỗ Đình Q** phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST.

- Miễn án phí HSST cho các bị cáo: **Bùi Văn G**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K**.

Người bào chữa cho các bị cáo, gồm: **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K** vắng mặt, nhưng có bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo. Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát về tội danh, điều luật và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Cáo trạng của Viện kiểm sát đã áp dụng đối với các bị cáo. Người bào chữa cho rằng, các bị cáo đã “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, nên đề nghị HĐXX cho các bị cáo được



hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo **Sùng A G1, Vàng A L, Giàng A K** đã ra “đầu thú” nên đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Hơn nữa, cả 05 bị cáo **Sùng A G1, Vàng A L, Giàng A K, Sùng A S, Giàng A N2** đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình các bị cáo đều là hộ nghèo, cận nghèo, có những bị cáo không biết chữ, nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức án từ thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và đồng tình với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo **Sùng A G1, Vàng A L, Giàng A K, Sùng A S, Giàng A N2** đồng tình với bản luận cứ bào chữa, không bổ sung thêm gì; các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đầy đủ tài sản, nên không có yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều thấy ân hận về việc làm sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất có thể và xin được hưởng án treo, có cơ hội làm sửa chữa lỗi lầm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng: Trong giai đoạn tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện M**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện M**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bào chữa, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và kết luận giám định. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toàn, người làm chứng **Sùng A C3** vắng mặt, nhưng xét thấy đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án; Người bào chữa cho các bị cáo đã có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ Điều 291, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thời gian, không gian, địa điểm và chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, HĐXX đủ cơ sở khẳng định:

Từ 19 giờ 00 phút đến 21 giờ 30 phút, ngày 17/11/2023 các bị cáo **Bùi Văn G**, **Đỗ Đình Q**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L** và **Giàng A K** đã dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân từ A (**Á**) đến K để đánh bạc ăn tiền, tại lán chòi rẫy nhà ông **Giàng A K2** tại bản Trung Thắng, **xã M, huyện M**. Hình thức đánh bạc của các bị cáo là đánh “Liêng”. Trước khi chia bài mỗi người sẽ đóng “gà” 50.000đ vào giữa chiếu bạc (Không tổ thêm tiền) mỗi người sẽ được chia 03 quân bài mỗi ván, sau khi những người chơi xem bài thì căn cứ vào số điểm tổng ba quân bài cộng lại ai có số điểm lớn hơn sẽ là người thắng ván bài đấy và được lấy tổng số tiền góp “gà”. Thứ tự từ cao xuống thấp quy định như sau: “Sáp” là ba lá bài giống nhau (Cao nhất là ba quân Át). Khi bộ bài không phải là “Sáp” thì tính điểm. Điểm được tính là số dư của tổng số của ba lá bài trừ đi 10 hoặc 20 (Cao nhất là 09 điểm) khi tính điểm quân bài hình người được tính là 0 điểm. Nếu người chơi có bộ bài bằng điểm nhau thì sẽ so sánh chất theo thứ tự từ cao xuống thấp theo thứ tự: Rô, cơ, tép, bích. Người nào thắng ở ván trước sẽ là người chia bài ở ván tiếp theo.

Quá trình đánh bạc **Bùi Văn G** và các con bạc đã thống nhất với nhau trả công cho **Giàng A K** là 100.000đ để **K** ngồi dưới đường canh gác cho các đối tượng đánh bạc, khi phát hiện lực lượng chức năng **K** sẽ có trách nhiệm thông báo để các đối tượng bỏ chạy, số tiền này **Bùi Văn G** lấy từ phần tiền góp “gà” ra 02 lần, mỗi lần 50.000đ để đưa cho **Giàng A K**.



Số tiền để đánh bạc cụ thể là: **Bùi Văn G** sử dụng số tiền là 1.200.000đ; **Sùng A S** sử dụng số tiền là 800.000đ; **Sùng A G1** sử dụng số tiền là 900.000đ; **Giàng A N2** sử dụng số tiền là 1.000.000đ; **Đỗ Đình Q** sử dụng số tiền là 1.000.000đ và **Vàng A L** sử dụng số tiền là 900.000đ; Còn **Giàng A K** làm nhiệm vụ canh gác.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì **Công an huyện M** đi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát thì phát hiện, bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi đánh bạc, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên, hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; Hiện nay, đánh bạc đang là một tệ nạn nhức nhối trong xã hội, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo vì háms lợi, nên đã sát phạt nhau trên chiếu bạc để thực hiện hành vi phạm tội đến cùng; hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự công cộng và ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt khu dân cư; gây hoang mang lo lắng cho nhân dân trên địa bàn. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất chặt chẽ với nhau, nên chỉ là đồng phạm giản đơn, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc tương đương nhau, nên HĐXX đánh giá vai trò của từng bị cáo như sau: **Vàng A L**, **Sùng A G1** và **Sùng A S** là những người khởi sự đánh bạc đầu tiên; **Bùi Văn G** là người dùng số tiền đánh bạc nhiều nhất (1.200.000), **Đỗ Đình Q** và **Giàng A N2** dùng số tiền đánh bạc nhiều thứ hai (1.000.000đ); Nhưng HĐXX, xét thấy các bị cáo các bị cáo cùng có vai trò như nhau, riêng bị cáo **Giàng A K** là vai trò thứ yếu.

[5]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Vì vậy, HĐXX cho 07 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Đỗ Đình Q**, **Vàng A L**, **Giàng A K** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị cáo **Sùng A G1**, **Vàng A L** và **Giàng A K** tự nguyện ra “đầu thú” về hành vi phạm tội, bị cáo **Đỗ Đình Q** có ông nội là **Đỗ Đình Đ** là thương binh hạng 2/4 và được tặng Huân chương kháng chiến, HĐXX cho các bị cáo **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K** và **Đỗ Đình Q** được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo **Vàng A L**, **Sùng A G1**, **Sùng A S**, **Đỗ Đình Q**, **Giàng A N2** và **Giàng A K** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự;

Riêng **Bùi Văn G** có 01 tiền sự, đó là ngày 17/3/2021 bị xử phạt hành chính với số tiền là 3.200.000đ nhưng bị cáo chưa chấp hành; Năm 2008 bị xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 23 tháng, về tội “Trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội; Ngày 17/10/2023 bị cáo lại bị khởi tố bị can về tội “Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” hiện đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

[7]. Xét về hình phạt:

Hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của từng bị cáo đã gây ra, cần phân hóa vai trò của từng bị cáo, để xử phạt từng bị cáo một mức án tương xứng, cụ thể:

Đối với **Bùi Văn G**, bị cáo có nhân thân xấu, ít tình tiết giảm nhẹ hơn so với các bị cáo còn lại, số tiền bị cáo dùng để đánh bạc nhiều nhất (1.200.000đ) và đang còn bị điều tra, truy tố, xét xử ở một vụ án nghiêm trọng khác, nên bị cáo phải chịu một mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo.



Đối với các bị cáo Vàng A L, Sùng A G1, Sùng A S là những người khởi xướng trong vụ án này, Giàng A N2, Đỗ Đình Q là những người đến chơ sau, tuy nhiên số tiền dùng đánh bạc lại nhiều hơn những người đánh bạc trước. Hơn nữa, các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên mức hình phạt đối với các bị cáo là bằng nhau; HĐXX xét thấy, các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo đều có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số hạn chế về hiểu biết và pháp luật, xã hội, không phải là đối tượng cộm cán, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, Hội đồng xét xử thấy rằng không cần phải cách ly xã hội đối với các bị cáo, mà áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội để các bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, cũng đủ cải tạo riêng đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Giàng A K tuy không trực tiếp tham gia vào hành vi đánh bạc cùng các bị cáo, nhưng bị cáo K đã canh gác cho các bị cáo đánh bạc, khi phát hiện lực lượng chức năng thì có trách nhiệm thông báo để các đối tượng bỏ chạy và đã được các bị cáo trả công với giá là 100.000đ, hành vi của bị cáo K là giúp sức cho hành vi của các bị cáo còn lại để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình làm ăn sinh sống tại địa phương đều chấp hành tốt chủ trương đường lối, chính sách pháp luật của nhà nước. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt đối với bị cáo, nhưng cho hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

#### [8] Hình phạt bổ sung:

Cáo bị cáo Bùi Văn G, Đỗ Đình Q là lao động tự do, không có thu nhập ổn định; Các bị cáo Vàng A L, Sùng A G1, Sùng A S, Giàng A N2 và Giàng A K đều làm nương rẫy, gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình không có tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

#### [9]. Xét về vật chứng trong vụ án:

Tịch thu tiêu hủy, gồm: 52 quân bài là bài tú lơ khơ các bị cáo dùng đánh bạc và 01 chiếc nhựa màu vàng nâu, đã qua sử dụng, do không có giá trị sử dụng và là vật chứng vụ án.

Tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn), thu giữ của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Truy thu số tiền 100.000đ đối với bị cáo **Giàng A K**, đây là tiền bị cáo phạm tội mà có.

Trả lại cho các bị cáo, gồm:

- + Giàng A Náy 01 (một) xe máy biển kiểm soát: 36B8-706.21;
- + Giàng A Kỳ 01 (một) xe biển kiểm soát: 36K1-038.57
- + Vàng A Lệnh 01 (một) xe biển kiểm soát: 36B1-262.58;
- + Sùng A Sênh 01 (một) xe máy không có biển kiểm soát, Nhãn hiệu: HONDA, Loại xe: Hai bánh, Loại: WINNER X.

Các xe máy này là tài sản hợp pháp của gia đình các bị cáo, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát điều tra Công an **huyện M** đã trả lại 01 chiếc xe máy cho chủ sở hữu hợp pháp là chị **Lê Thị H2**.

[10] Xét về án phí: Buộc bị cáo **Đỗ Đình Q** phải nộp 200.000đ án phí HSST; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: **Bùi Văn G**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K**, vì các bị cáo đều là những người dân tộc thiểu số (Mường và **H3**) thường xuyên sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo.

[11] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[12] Các nhận định khác:

Đối với **Sùng A C3**, sinh năm 2004, trú tại: **Bản T, xã M** là người ngồi sử dụng điện thoại tại lán chòi nơi các bị cáo đánh bạc, nhưng **Sùng A C3** không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo vào tối ngày 17/11/2023. Do đó, **Sùng A C3** không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với **Giàng A K2**, sinh năm 1987, trú tại bản Trung Thắng, **xã M, huyện M** là chủ của lán chòi rẫy, nơi các đối tượng đánh bạc, việc các đối tượng đánh bạc thì **Giàng A K2** hoàn toàn không biết và không có liên quan gì. Do đó, không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:



Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với **Bùi Văn G**;

Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với **Vàng A L**, **Sùng A G1**, **Giàng A K** và **Đỗ Đình Q**;

Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 65; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với **Sùng A S** và **Giàng A N2**.

**Về tội danh:** Tuyên bố, các bị cáo **Bùi Văn G**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Đỗ Đình Q**, **Vàng A L** và **Giàng A K** phạm tội “Đánh bạc”

**Về hình phạt chính:**

1. Xử phạt bị cáo **Bùi Văn G 07 (B)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (17/11/2023).

2. Xử phạt bị cáo **Sùng A S 07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

3. Xử phạt bị cáo **Vàng A L 07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

4. Xử phạt bị cáo **Sùng A G1 07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

5. Xử phạt bị cáo **Đỗ Đình Q 07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

6. Xử phạt bị cáo **Giàng A N2 07 (Bảy)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

7. Xử phạt bị cáo **Giàng A K 06 (Sáu)** tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

Giao các bị cáo **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L** và **Giàng A K** cho **UBND xã M**, **huyện M**, **tỉnh Thanh Hóa** giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Đỗ Đình Q** cho **UBND xã T**, **huyện M**, **tỉnh Thanh Hóa** giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì bị cáo làm nghề lao động tự do, làm nương rẫy, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, nên không có tính khả thi.

**Về vật chứng và biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy, gồm: 52 (năm hai) quân bài là bài tứ lơ khơ đựng trong 01 (một) phong bì niêm phong do Công an huyện M phát hành. Mặt sau phong bì ghi chữ “bộ bài thu giữ ngày 17/11/2023”. Mặt sau phong bì được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Văn T4, Hà Văn Đ1, Nguyễn Văn L1, Lê Huy K3, Bùi Văn G, Giàng A N2, Đỗ Đình Q và 01 hình điểm chỉ ngón trỏ phải của Sùng A S cùng các hình dấu đỏ có nội dung “Công an xã M, Công an huyện M, tỉnh Thanh Hóa”;

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc nhựa màu vàng nâu, đã qua sử dụng.

- Tịch thu xung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn) được đựng trong 01 phong bì niêm phong do Phòng K4 Công an tỉnh T phát hành sau giám định, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Văn T4, Hà Văn Đ1, Nguyễn Văn L1, Lê Huy K3, Bùi Văn G, Giàng A N2, Đỗ Đình Q và 01 điểm ngón trỏ phải của Sùng A S, cùng các hình dấu của Công an xã M, huyện M làm giáp lai.

- Trả lại cho các bị cáo, gồm:

+ Trả lại cho bị cáo Giàng A N2 01 (một) xe máy biển kiểm soát: 36B8-706.21 Nhận hiệu: HONDA, Loại: WAVE ALPHA, Số máy: JA39E2454272, Số khung: BLHJA3928MY429790, Màu sơn: Trắng – Đen)

+ Trả lại cho bị cáo Giàng A K 01 (một) xe biển kiểm soát: 36K1-038.57, Nhận hiệu: HONDA, Loại xe: Hai bánh, Loại: WAVE RSX, Số máy: JA32E1103467, Số khung: RLHJA320EY045354, Màu sơn: Đỏ - Đen.



+ Trả lại cho bị cáo **Vàng A L** 01 (một) xe biển kiểm soát: 36B1-262.58, Nhân hiệu: WAVE RSX, Loại xe: Hai bánh, Số máy: JC43E6088384, Số khung: 4327BY166603, Màu sơn: Trắng – Đen – Đỏ.

+ Trả lại cho bị cáo **Sùng A S** 01 (một) xe máy, xe không có biển kiểm soát, Nhân hiệu: HONDA, Loại xe: Hai bánh, Loại: WINNER X, Số máy: KC34E5123306, Số khung: RLHKC4400PY013070, Màu sơn: Trắng – Đen.

Các vật chứng, tài sản trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 30/2024/TV-CCTHADS ngày 29/02/2024 giữa **Công an huyện M** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

- Truy thu số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) đối với bị cáo **Giàng A K**.

Bị cáo **Bùi Văn G** đang bị tạm giam, tiếp tục tạm giam để đảm bảo cho việc thi hành án.

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa tiếp tục được áp dụng đối với các bị cáo **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Đỗ Đình Q**, **Vàng A L** và **Giàng A K** cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Đỗ Đình Q** phải nộp 200.000đ án phí HSST

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo: **Bùi Văn G**, **Sùng A S**, **Giàng A N2**, **Sùng A G1**, **Vàng A L**, **Giàng A K**.

**Quyền kháng cáo, kháng nghị:** Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vắng mặt người bào chữa cho các bị cáo; Các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự căn cứ Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an H. Mường Lát;
- CQ THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tiến Dũng**